

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
kèm theo
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

W.S.D.N.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	06-18
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Xây dựng Công trình Giao thông là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2863 ngày 11 tháng 11 năm 1998 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty Xây dựng Công trình Giao thông chuyển đổi sang Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình theo giấy Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 01 năm 2011. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phá dỡ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Giám sát thi công xây dựng các công trình Giao thông, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn công trình; Lập tổng dự toán các công trình xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp; Khảo sát, thiết kế các công trình cầu, đường bộ, công trình hầm giao thông, các công trình phụ trợ trên đường; Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Thí nghiệm để cung cấp thông số kỹ thuật về vật liệu, kết cấu công trình (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn kiểm định chất công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật dân dụng và công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế xây dựng và tổng dự toán các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ thầu các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp; Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình./.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.794.711.511 đồng (Hai tỷ bảy trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm mười một nghìn năm trăm mười một đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại số 54 phố Triều Khúc - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Trong năm tài chính 2011, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Tổng doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ: **3.439.163.333 VND.**

Tổng lợi nhuận trước thuế: **55.762.015 VND.**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Số 54 phố Triều Khúc - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải trình bày hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Ông: Nguyễn Trường Trung

Chủ tịch kiêm Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các Quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Trường Trung

Số : 87/2012/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình*

**Kính gửi : Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên
Tư vấn và Xây dựng Công trình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 31/03/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:

- Do được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ kế toán nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ. Các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa có đầy đủ biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại thời điểm 31/12/2011. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không đủ cơ sở đưa ra ý kiến về số dư của các khoản mục trên, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan khác đang ghi nhận trong kỳ.
- Doanh thu dịch vụ năm 2011 được ghi nhận theo hóa đơn phát hành;
- Giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng

như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2012

**Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và
Tư vấn Thuế AAT**
Phó giám đốc



Nguyễn Xuân Hòa
Chứng chỉ KTV số: 0909/KTV

Kiểm toán viên

Trần Thanh Phương

Trần Thanh Phương
Chứng chỉ KTV số: 1616/KTV

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Ngày: 02-12-2014

Số CT: 18122 Quyển số: SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Thanh Ngân

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.641.068.269	4.469.533.416
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.081.181.657	383.224.672
1. Tiền	111	V.01	1.081.181.657	383.224.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		415.524.204	287.335.396
1. Phải thu khách hàng	131		470.019.433	267.335.381
2. Trả trước cho người bán	132		-	20.000.015
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(54.495.229)	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.681.267.105	3.078.046.162
1. Hàng tồn kho	141	V.04	3.681.267.105	3.078.046.162
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.463.095.303	720.927.186
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.463.095.303	720.927.186
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.699.267	321.898.534
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
II. Tài sản cố định	220		157.945.858	314.391.716
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	157.945.858	314.391.716
- Nguyên giá	222		2.312.512.060	2.312.512.060
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.154.566.202)	(1.998.120.344)
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.753.409	7.506.818
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.753.409	7.506.818
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		6.802.767.536	4.791.431.950

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.001.083.627	1.993.930.192
I. Nợ ngắn hạn	310		4.001.083.627	1.993.930.192
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	-
2. Phải trả người bán	312		832.953.083	39.796.807
3. Người mua trả tiền trước	313		2.447.746.800	1.312.617.413
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	531.902.086	471.920.338
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.17	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng Xd	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	183.230.167	168.183.503
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.251.491	1.412.131
II. Nợ dài hạn	330		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.801.683.909	2.797.501.758
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2.801.683.909	2.797.501.758
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.691.383.416	2.691.383.416
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		88.195.029	88.195.029
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		22.105.464	17.923.313
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		6.802.767.536	4.791.431.950

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		V.24		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
- USD				
- ERO				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu



Phùng Thị Hoàng Yến

Phụ trách kế toán



Phùng Thị Hoàng Yến

Giám đốc



Nguyễn Trường Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3.439.163.333	2.378.565.949
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	3.439.163.333	2.378.565.949
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	3.061.161.030	2.188.202.238
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		378.002.303	190.363.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	5.953.603	8.324.942
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		346.867.751	182.852.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.088.155	15.836.062
11. Thu nhập khác	31		18.692.875	35.271.846
12. Chi phí khác	32		19.015	463.000
13. Lợi nhuận khác	40		18.673.860	34.808.846
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.762.015	50.644.908
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	13.940.504	12.661.227
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.821.511	37.983.681
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc


Phùng Thị Hoàng Yến


Phùng Thị Hoàng Yến


Nguyễn Trường Trung



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.715.506.000	2.780.824.129
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.993.009.015)	(1.307.031.271)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(387.012.000)	(281.878.358)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(33.664.787)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		398.973.658	115.303.845
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.042.455.261)	(1.065.541.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		692.003.382	208.011.908
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.953.603	7.502.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.953.603	7.502.240
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		697.956.985	215.514.148
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		383.224.672	167.710.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		1.081.181.657	383.224.672

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phùng Thị Hoàng Yến

Phùng Thị Hoàng Yến

Nguyễn Trường Trung



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2011****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Xây dựng Công trình Giao thông là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2863 ngày 11 tháng 11 năm 1998 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty Xây dựng Công trình Giao thông chuyển đổi sang Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình theo giấy Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 01 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại số 54 phố Triều Khúc - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình giao thông.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phá dỡ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Giám sát thi công xây dựng các công trình Giao thông, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn công trình; Lập tổng dự toán các công trình xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp; Khảo sát, thiết kế các công trình cầu, đường bộ, công trình hầm giao thông, các công trình phụ trợ trên đường; Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Thí nghiệm để cung cấp thông số kỹ thuật về vật liệu, kết cấu công trình (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn kiểm định chất công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật dân dụng và công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế xây dựng và tổng dự toán các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ thầu các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp; Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình./.

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy tính.

4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao chậm được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị

10-12 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn. Công ty phân bổ chi phí trả trước dài hạn trong hai năm theo tỷ lệ 50% một năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**V.01. Tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Tiền mặt	1.154.586	1.187.861
- Tiền gửi ngân hàng	1.080.027.071	382.036.811
Cộng	1.081.181.657	383.224.672

V.02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**V.03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác****V.04. Hàng tồn kho**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Chi phí SXKD dở dang	3.681.267.105	3.078.046.162
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.681.267.105	3.078.046.162

V.05. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**V.06. Phải thu dài hạn nội bộ****V.07. Phải thu dài hạn khác****V.08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

(Đơn vị tính: VND)

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐHH				
Số dư đầu năm		2.312.512.060		2.312.512.060
- Mua trong năm				
- Đầu tư XDCH ht				
- Tăng khác				
- Chuyển sang BĐS dt				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm		2.312.512.060		2.312.512.060
Giá trị HM lũy kế				
Số dư đầu năm		1.998.120.344		1.998.120.344
- Khấu hao trong năm		157.945.858		157.945.858
- Tăng khác				
- Chuyển sang BĐS dt				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác		1.500.000		1.500.000
Số dư cuối năm		2.154.566.202		2.154.566.202
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm		314.391.716		314.391.716
- Tại ngày cuối năm		157.945.858		157.945.858

V.09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**V.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình****V.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang****V.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư****V.13. Đầu tư dài hạn khác****V.14. Chi phí trả trước dài hạn**

- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ

Cộng**Cuối năm****VND**

3.753.409

3.753.409**Đầu năm****VND**

7.506.818

7.506.818**V.15. Vay và nợ ngắn hạn****V.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

- Thuế GTGT

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Cộng**Cuối năm****VND**

498.319.070

33.583.016

531.902.086**Đầu năm****VND**

452.277.826

19.642.512

471.920.338

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V.17. Chi phí phải trả**V.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

Cộng**Cuối năm****VND**

183.230.167

-

183.230.167**Đầu năm****VND**

149.490.628

18.692.875

168.183.503**V.19. Phải trả dài hạn nội bộ****V.20. Vay và nợ dài hạn****V.21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****V.22. Vốn chủ sở hữu****a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***(Đơn vị tính: VND)*

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	2.711.383.416	69.203.188	14.124.946		-
Tăng vốn trong năm trước		18.991.841	3.798.367		
Lãi trong năm trước					37.983.681
Tăng khác					
Giảm vốn trong năm trước	20.000.000				
Lỗ trong năm trước					
Giảm khác					37.983.681
Số dư cuối năm trước	2.691.383.416	88.195.029	17.923.313	-	-
Tăng vốn trong năm nay					
Lãi trong năm nay					41.821.511
Tăng khác			4.182.151		
Giảm vốn trong năm trước					
Lỗ trong năm nay					
Giảm khác					41.821.511
Số dư cuối năm nay	2.691.383.416	88.195.029	22.105.464	-	-

b) Các quỹ của công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	88.195.029	88.195.029
- Quỹ dự phòng tài chính	22.105.464	17.923.313
Cộng	110.300.493	106.118.342

V.23. Nguồn kinh phí**V.24. Tài sản thuê ngoài****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****VI.25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.499.091	-
Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận	3.308.664.242	2.378.565.949
Cộng	3.439.163.333	2.378.565.949

VI.26. Các khoản giảm trừ doanh thu**VI.28. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	58.334.000	-
Giá vốn của HĐ Xây dựng	3.002.827.030	2.188.202.238
Cộng	3.061.161.030	2.188.202.238

VI.29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.953.603	8.324.942
Cộng	5.953.603	8.324.942

VI.30. Chi phí tài chính**VI.31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.940.504	12.661.227
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.940.504	12.661.227

VI.32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**VI.33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. Những thông tin khác

VIII.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

VIII.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

VIII.3. Thông tin về các bên liên quan

VIII.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

VIII.5. Thông tin so sánh

VIII.6. Thông tin về hoạt động liên tục

VIII.7. Những thông tin khác

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2010 của Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay./.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu



Phùng Thị Hoàng Yến

Kế toán trưởng



Phùng Thị Hoàng Yến



Nguyễn Trường Trung

